TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thành Đồng

Bà Phạm Thị Thu Trang

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Yến Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Nữ Thanh T**, sinh năm 1986 (có mặt).
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018, bản tự khai ngày 19/4/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Nữ Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào năm 2006. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, anh D đánh đập chị nhiều lần nguyên nhân do cuộc sống gia đình khó khăn không đáp ứng đủ nhu cầu vật chất cho anh D tiêu xài. Chị và gia đình có khuyên nhưng anh D không thay đổi. Tháng 11/2016, chị T đã ra ở riêng. Nay chị T thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Dương Thủy Tr, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Dương Tú T, sinh ngày 26/4/2005. Hiện nay, hai con chung đang sống với chị T. Sau khi anh chị ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: chị T khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa, cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:* chị T và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D không lo làm ăn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn D để tiến hành hòa giải nhưng anh D không có mặt, vụ án không hòa giải được và tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét lời trình bày của chị T thì sau khi kết hôn, chị T và anh D sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh D thường đánh đập chị T, gia đình có khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Tại biên bản làm việc ngày 22/5/2018 của Tòa án thể hiện sau khi cưới thì anh D và chị T không thường xuyên sinh sống tại ấp M, xã N, Giồng Trôm, Bến Tre nên địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D và chị T; hiện nay anh D và chị T không còn chung sống với nhau... Tại phiên tòa, chị T trình bày chị và anh D đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, anh chị không đưa ra hướng khắc phục cũng như anh chị không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình và không tạo cơ hội để đoàn tụ cùng nhau, điều đó chứng tỏ anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và tình cảm vợ chồng.

Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh D, chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Mặt khác, tại phiên tòa chị T cho rằng tình cảm của chị và anh D là không thể hàn gắn lại được, có chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Mục đích hôn nhân của anh chị là không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh D là có cơ sở,

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: chị T và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Dương Thủy Tr, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Dương Tú T, sinh ngày 26/4/2005. Hiện nay, hai con chung đang sống với chị T. Sau khi anh chị ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi cũng như quá trình phát triển tâm sinh lý của con. Xét thấy hai cháu Thủy Tr và Tú T hiện đang sống với chị T, điều kiện sinh hoạt là ổn định. Từ trước đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con cũng đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần. Hơn nữa, cháu Thủy Tr và Tú T có nguyện vọng được sống với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận yêu cầu của chị T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] *Về tài sản chung*: chị T khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Phan Nữ Thanh T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Nữ Thanh T với anh Nguyễn Văn D. Chị Phan Nữ Thanh T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2]. *Về con chung*:

Chị Phan Nữ Thanh T và anh Nguyễn Văn D có 02 người con chung tên Nguyễn Dương Thủy Tr, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Dương Tú T, sinh ngày 26/4/2005. Chị T được nuôi hai con chung tên Nguyễn Dương Thủy Tr và Nguyễn Dương Tú T. Ghi nhận chị Phan Nữ Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của

người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

[3]. *Về tài sản chung*: chị T khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Phan Nữ Thanh T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016657 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Phan Nữ Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga